TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12- 4 - 2022
"Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Trung Nghĩa;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Hưng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên Tòa*:** Bà Bùi Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 212/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 12 năm 2021, về việc " *Yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị N, sinh năm 1961.

Địa chỉ: Số nhà 70/9 đường L, Khóm D, Phường A, thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng.

* *Bị đơn:* Ông Hồ Văn L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số nhà 70/9 đường L, Khóm D, Phường A, thị xã Vĩnh Châu tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Võ Thị N trình bày:

Năm 2010, bà N sống chung với ông Hồ Văn L nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, bà N và ông L sống tại nhà trọ, sau đó được cha mẹ bà N cho đất bán nên bà N mua nhà tại số 70/9 đường L, khóm D, Phường A, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi mua nhà, bà N và ông L chuyển về đó sống chung cho đến nay. Trong thời gian sống chung, bà N và ông L không có con chung, không có tài sản chung và không có nợ chung.

Thời gian đầu, bà N và ông L chung sống hạnh phúc nhưng dần dần phát hiện cả hai bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Ông L không chung thủy lại hay ghen tuông, thường xuyên theo dõi, khống chế sinh hoạt và có hành vi bạo hành với bà N nên xảy ra mâu thuẫn và mâu thuân ngày càng trầm trọng, không giải tỏa được nên tuy sống chung một nhà nhưng mỗi lần gặp mặt lại xảy ra cãi vã, vợ chồng không còn hạnh phúc nữa.

Nay, nhận thấy tình cảm không còn, vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, bà Võ Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị N yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà N và ông Hồ Văn L không phải là quan hệ vợ chồng.

- Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chứng cứ do bà N giao nộp là bản sao Giấy chứng minh nhân dân; bản sao Sổ hộ khẩu.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn ông Hồ Văn L trình bày: Vào năm 2010, ông Hồ Văn L chung sống với bà Võ Thị N, trong thời gian sống chung, vợ chồng không có con chung. Riêng tài sản chung, ông L và bà N có tài sản nhưng ông L không kê khai, vợ chồng ông không có nợ chung. Ông L đồng ý là quan

hệ sống chung giữa ông với bà Võ Thị N không phải là quan hệ vợ chồng nhưng ông L còn thương vợ nên không đồng ý chấm dứt hôn nhân.

- Về con chung: Không có con chung.

- Về tài sản chung: Ông L và bà Nng có tài sản nhưng ông L không đồng ý ly hôn nên không kê khai và cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là Biên bản lấy lời khai của ông Hồ Văn L.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Võ Thị N và ông Hồ Văn L không phải là quan hệ vợ chồng. Không giải quyết về con chung do không có. Không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; Bà N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị N khởi kiện, yêu cầu tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà N với ông Hồ Văn L không phải là quan hệ vợ chồng. Yêu cầu của bà N được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 53 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết:

Căn cứ bản sao Giấy chứng minh nhân dân, Sổ hộ khẩu, lời trình bày của cả hai bên đương sự, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định bà Nang và ông Lẹ chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn, trong thời gian sống chung giữa bà N và ông L

không có con chung là sự thật. Tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý". Như vậy, hôn nhân giữa bà N và ông L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Khoản 1 Điều 9, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận quan hệ chung sống giữa bà N và ông L là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà N phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên bà N là người cao tuổi, thuộc trường hợp miễn án phí được quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV nên không phải nộp án phí.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có căn cứ pháp lý và cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố quan hệ sống chung giữa bà Võ Thị N và ông Hồ Văn L không phải là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Không có không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng khẳng định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị N phải chịu là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng bà N là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VÕ THỊ HIẾU